

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/LĐ-ST

Ngày: 08-8-2024

V/v: “Tranh chấp yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Bích Loan – Phó chủ tịch Hội khuyến học huyện Bến Lức;
- Ông Nguyễn Hoàng Nam – Trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Bến Lức;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 09/2024/TLST-LĐ ngày 21/02/2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn D ; Địa chỉ trụ sở chính: Số Ti, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bảo Chân – Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn D .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An; Địa chỉ trụ sở chính: Số T, Phường A, Thành phố T, tỉnh Long An; Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

(Bị đơn vắng mặt không rõ lý do, những người còn lại đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/02/2024, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/6/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Năm 2011, bà có cho em ruột của bà là bà Nguyễn Thị Kim Ph mượn giấy tờ tùy thân để làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (từ đây gọi tắt là Công ty D), vì thời điểm này bà Ph chưa đủ 18 tuổi. Bà Ph được Công ty D ký kết hợp đồng lao động và phân công công việc cụ thể tại chi nhánh của Công ty D là Nhà máy sản xuất K (địa chỉ chi nhánh là số 192 đường Ng, Khu phố A, thị trấn B, huyện Bến Lức, tỉnh Long An). Theo đó, bà Ph đã sử dụng toàn bộ thông tin nhân thân của bà M trong khoảng thời gian thực tế làm việc tại đây từ tháng 03/2011 đến tháng 04/2011 và đã được tham gia bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835. Đối với bà M thì đã tham gia lao động và có ký kết hợp đồng lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn G Việt Nam (từ đây gọi là Công ty Giấy Ching Luh) từ năm 2009 đến ngày 31/10/2022 thì bà M xin nghỉ. Đến ngày 22/12/2023, bà đến Bảo hiểm xã hội huyện Bến Lức để làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội theo sổ bảo hiểm xã hội mà bà được Công ty Giấy Chingluh đóng với Mã số 8009027747 nhưng không thực hiện được do đang tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội đều đứng tên bà và trong cùng thời điểm (tháng 3/2011 đến tháng 4/2011) tại hai công ty khác nhau. Bà thừa nhận, tại thời điểm đó thì bà Ph chưa đủ tuổi lao động mà hoàn cảnh gia đình lại khó khăn nên chị em bà mới làm như vậy mà không nhận thức được việc làm trên là vi phạm pháp luật lao động.

Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án: Vô hiệu Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph) với Công ty D được xác lập từ tháng 03/2011 đến tháng 04/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835; Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M do Công ty D nộp từ tháng 3/2011 đến tháng 4/2011 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Nguyễn Thị Kim Ph. Bà M tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Bà đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, đồng thời do bận công việc nên bà đề nghị được xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Công ty D : Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp ý kiến cũng như tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim Ph trình bày: Bà Ph thống nhất và đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà Mai. Trong vụ án này, bà Ph không có tranh chấp cũng không có yêu cầu khởi kiện, do bận công việc nên bà Ph đề nghị được xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An có ý kiến tại văn bản cung cấp thông tin, thể hiện: Căn cứ hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ,

thẻ và dữ liệu chi trả chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ, BNN), Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cung cấp các thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN của bà Nguyễn Thị Ngọc M từ tháng 3/2011 đến tháng 4/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835 tại Công ty D (kèm theo phụ lục bản ghi quá trình đóng BHXH, BHTN). Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký Hợp đồng lao động, Hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện Công văn 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động. Do đó, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An sẽ thực hiện điều chỉnh nhân thân người lao động theo nội dung bản án đã tuyên. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu khởi kiện trong vụ án, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu không tiến hành hòa giải. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định đã cung cấp tài liệu chứng cứ đầy đủ, không còn tài liệu chứng cứ nào khác chưa giao nộp, không đề nghị Tòa án thu thập thêm, không yêu cầu đưa thêm người nào khác vào tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng còn lại đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73 và Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà M có tham gia lao động tại Công ty D và đã được đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835 thời gian từ tháng 03/2011 đến tháng 04/2011. Mặc dù hiện nay bà không còn hợp đồng lao động để cung cấp cho Tòa án, nhưng căn cứ Công văn số 1126/BHXH-PQLT-ST ngày 17/5/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thì có cơ sở xác định, tổ chức trực tiếp sử dụng lao động là Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn D – Nhà máy sản xuất K, có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động có hồ sơ cá nhân tên Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph) theo sổ Bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835. Do đó có cơ sở xác định, Công ty D có ký kết hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Ngọc M (người lao

động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph). Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Kim Ph sử dụng thông tin cá nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc M để ký kết hợp đồng lao động là vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 6, 7, 26, 28 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17, 19, 50 và 51 Bộ luật Lao động 2012; Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 220 Bộ luật Lao động 2019, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, bị đơn có trụ sở chính tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và có chi nhánh tại huyện Bến Lức (Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn D – Nhà máy sản xuất K). Đơn vị trực tiếp ký kết hợp đồng lao động, đăng ký tham gia bảo hiểm cho người lao động là chi nhánh của Công ty D và thực tế tranh chấp phát sinh là từ hoạt động của chi nhánh. Đồng thời, theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã xác định lựa chọn Tòa án giải quyết là nơi Công ty D có chi nhánh tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tố tụng được xác định là “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện Công ty D yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M (người tham gia lao động thực tế là Nguyễn Thị Kim Ph) với Công ty D . Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định Công ty D là bị đơn, bà Nguyễn Thị Kim Ph và Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động:

[2.1.1] Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho bị đơn tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như toàn bộ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu nào của bị đơn trong vụ án này. Việc không cung cấp tài liệu chứng cứ và văn bản nêu ý kiến của bị đơn

được xem như đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu mà nguyên đơn khởi kiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.1.2] Các đương sự đều không xuất trình được hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph) và Công ty D . Tuy nhiên, căn cứ Công văn số 1126/BHXXH-PQLT-ST ngày 17/5/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thì có cơ sở xác định tổ chức trực tiếp sử dụng lao động là chi nhánh của Công ty D có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động có hồ sơ cá nhân tên Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph) từ tháng 03/2011 đến tháng 04/2011, đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835. Quá trình giải quyết vụ án, bà M xác định do chưa hiểu biết pháp luật đầy đủ và hoàn cảnh khó khăn, nên bà M có cho em ruột là bà Ph (tại thời điểm ký hợp đồng lao động chưa đủ 18 tuổi) mượn giấy tờ cá nhân để tham gia lao động tại chi nhánh của Công ty D . Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph) và Công ty D có ký hợp đồng lao động theo sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835 từ tháng 3/2011 đến hết tháng 4/2011.

[2.1.3] Bà Ph làm việc thực tế tại Công ty D nhưng sử dụng thông tin cá nhân của bà M để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm là vi phạm pháp luật lao động. Cụ thể, vi phạm về chủ thể tham gia giao kết theo quy định tại Điều 6, 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm nguyên tắc trung thực theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019. Do đó, hợp đồng lao động trên bị vô hiệu toàn bộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động 2019.

[2.2] Về yêu cầu điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội: Theo xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thì Công ty D (thông qua chi nhánh tại huyện Bến Lức) có tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2011 đến hết tháng 4/2011 mang tên Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph). Tuy nhiên, quan hệ lao động này đã bị vô hiệu theo nhận định trên, để đảm bảo quyền lợi của người lao động nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M do Công ty D (thông qua chi nhánh tại huyện Bến Lức) nộp từ tháng 3/2011 đến tháng 4/2011 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên Nguyễn Thị Kim Ph .

Từ những phân tích tại các mục [2.1] và [2.2] nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph) và Công ty D ; Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M, do Công ty D (thông qua chi nhánh tại huyện Bến Lức) nộp từ tháng 3/2011 đến tháng 4/2011 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên Nguyễn Thị Kim Ph .

[2.3] Về giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên chấp nhận toàn bộ.

[2.5] Về án phí: Bà M tự nguyện chịu thay cho Công ty D và bà Phụng. Do đó, buộc bà M phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 28 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 17, 19, 50 và 51 Bộ luật Lao động 2012; Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 220 Bộ luật Lao động 2019;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động.

1.1 Vô hiệu Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Kim Ph) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn D thời gian từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 4 năm 2011 theo sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835.

1.2 Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội có Mã số 8011008835 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M do Công ty Trách nhiệm hữu hạn D (thông qua chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn D – Nhà máy sản xuất K) nộp từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 4 năm 2011 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Nguyễn Thị Kim Ph .

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006949 ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự, tỉnh Long An, bà Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam – Đặng Thị Bích Loan

Thái Thị Thanh Thúy

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu.

Thái Thị Thanh Thúy

